

Phụ lục I¹⁹⁵
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: (số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp); Mã số thuế:; Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp hoặc mã số hợp tác xã hoặc mã số liên hiệp hợp tác xã hoặc mã số tổ hợp tác hoặc mã số hộ kinh doanh):
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số định danh cá nhân; trình độ chuyên môn về vận tải hoặc kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là chủ hộ kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
.....
9. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi): Theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải do ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải) đã công bố.
10. Mẫu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.
- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử)

¹⁹⁵ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ I ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục II
MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ
(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN CẤP PHÉP -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:..... Cấp lần thứ:.....</p> <p>(Cấp lần đầu: Số.....ngày/tháng/năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ: 	
QR code, ngày/tháng/năm... Cơ quan cấp phép <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

Hướng dẫn: Kích thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.
- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô

Phụ lục III**MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)***TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾNKính gửi: Sở Xây dựng¹⁹⁶

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Đăng ký(1)..... tuyến: Mã số tuyến:
- Nơi đi: Nơi đến: (2)
- Bến xe đi: Bến xe đến: (3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi:giờ.... phút, vào các ngày
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:giờ.... phút, vào các ngày
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:
- Cự ly vận chuyển:..... km.
- Hành trình chạy xe:
5. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng¹⁹⁷

¹⁹⁶ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

¹⁹⁷ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

TÊN ĐƠN VỊ KDVT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN

KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi:; Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyếntrong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

- Chuyến 1 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

- Chuyến 2 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

-

b) Chiều về: xuất bến tại:

- Chuyến 1 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

- Chuyến 2 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờphút.

4. Tốc độ lý hành:km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Chuyến	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Chuyến 1			
2	Chuyến 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến):đồng/HK.

- Chặng 2 (từđến):đồng/HK.

- Chặng:

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:..... đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:

b) Bán vé tại đại lý:(ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)

c) Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:, sức chứa:, năm sản xuất

- Số lượng xe:

VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại(sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:

3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:

ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG
(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

SỞ XÂY DỰNG¹⁹⁸.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG

Kính gửi:..... (Tên đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công)

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Sở Xây dựng¹⁹⁹ về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày / /..... do (tên cơ quan cấp) cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày.... tháng.... năm

- Tên tuyến: Nơi đi:Nơi đến:và ngược lại (1).

- Bến xe đi:Bến xe đến:

- Mã số tuyến:

- Cự ly vận chuyển:km; Hành trình chạy xe:

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:giờphút, vào các ngày

.....

+ Tại bến xe đến:giờphút, vào các ngày

.....

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo(Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công)có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu (Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công) không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

¹⁹⁸ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

¹⁹⁹ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐBVN
- Sở Xây dựng²⁰⁰....;
- Các Bến xe...;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi: (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

²⁰⁰ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆUKính gửi:(Sở Xây dựng²⁰¹).....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1)

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HD, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
..							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

(*) Áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng²⁰² thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

²⁰¹ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²⁰² Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Phụ lục VI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

..(Đơn vị tổ chức tập huấn).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

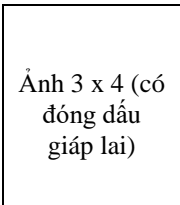
Địa chỉ thường trú:.....

Giấy CCCD số:

Đã qua lớp tập huấn tại:

Thời gian từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ...năm ...

..... ngày tháng năm



Ảnh 3 x 4 (có
đóng dấu
giáp lai)

GCN có giá trị đến

.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Kích thước Giấy chứng nhận: dài 90 mm, rộng 60 mm.
- Ảnh chụp không quá 06 tháng. Đơn vị cấp Giấy đóng dấu giáp lai ở góc bên phải phía dưới ảnh.
- Giấy chứng nhận này chỉ cấp cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe đã hoàn thành khóa tập huấn theo nội dung quy định.
- Giấy chứng nhận có giá trị tối đa 05 năm, kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.
- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị khi bị tẩy xóa hoặc có sự thay đổi nội dung.

Phụ lục VII**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
ASEAN VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN**

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận ASEAN
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01.²⁰³ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:Ngày cấp:
5. Đề nghị(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....

6. Lý do đề nghị cấp lại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

²⁰³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 02.²⁰⁴ Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG ...
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN
ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT
Số Giấy phép (Permit No.):.....

- 1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
- 2. Địa chỉ (Address):
- 3. Số điện thoại (Telephone number):
- 4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):.....

....., ngày... tháng... năm ...
..... (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Official Stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁰⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của số Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 03.²⁰⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN số:Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày ...tháng...năm...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

²⁰⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận ASEAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

ASEAN VEHICLE

CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

**Bộ Xây dựng²⁰⁶ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu
quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ
trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Construction of Viet Nam requests
relevant agencies to allow the vehicles to operate
conveniently and to render the vehicle any assistance
as necessary**

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Xây dựng²⁰⁷ Việt Nam
Ministry of Construction of Viet Nam

**Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration
Number)**

.....

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign)

VN

ASEAN VEHICLE
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị (Transport Operator Name):

.....

.....

Địa chỉ (Address):

.....

.....

.....

Số điện thoại (Telephone number):Số Fax/

Địa chỉ email (Fax number/Email address):

Số (Permit No.).....

Cấp cho (Issued to):

Phương tiện thương mại (Commercial vehicle)

**Phương tiện phi thương mại (Non-Commercial
vehicle)**

²⁰⁶ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

²⁰⁷ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....
.....
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross-Border Transport Permit No.):

Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2

Page 2

Trang 1

Page 1

GHI CHÚ

NOTICES

Giấy phép này có giá trị

This permit is valid

Từ ngày (From):

..... (dd/mm/yyyy)

Đến ngày (Until):

..... (dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....
.....

GHI CHÚ

NOTICES

Giấy phép này được gia hạn

This permit is extended

Đến ngày (Until):

..... (dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....
.....

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

Trang 3

Page 3

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal			
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Trang 4

Page 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):....			

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):....			

- Cửa khẩu ra (Exit point):			
- Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):			
ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (Entry point):....			
- Cửa khẩu ra (Exit point):			
- Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

- Cửa khẩu ra (Exit point):			
- Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):			
ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (Entry point):....			
- Cửa khẩu ra (Exit point):			
- Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Hướng dẫn (Instruction)

1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm

Page size: 105 mm x 150 mm

Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Orange cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:

Đường kính ngang: ± 11.5 cm

Đường kính dọc: ± 11.8 cm

Nền phù hiệu: Màu cam



Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 05.²⁰⁸ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIETNAM

Kính gửi: Sở Xây dựng
 To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
 2. Địa chỉ: (*Address*)
 3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)
 4. Đề nghị Sở Xây dựng gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Department of Construction of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle (s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (*ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number*)..... ngày (the date of) (dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (*Expiry date of transport permit*): (dd/mm/yyyy)
 5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))
 6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gianngày, từ ngày đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy)..... until (dd/mm/yyyy)
7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and*

²⁰⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

8. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):
- Bản kết quả giấy (Paper result)

..., ngày ... tháng ... năm

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền

(Driver, vehicle owner or authorized person)

* Chú ý (Note):

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Phụ lục VIII**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS/sổ TAD
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận GMS
Mẫu số 05	Sổ theo dõi Tam nhập Phương tiện vận tải (sổ TAD)
Mẫu số 06	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01.²⁰⁹ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:Ngày cấp:

5. Đề nghị Sở Xây dựng(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....

6. Lý do đề nghị cấp lại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ - Bản kết quả giấy

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁰⁹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 02.²¹⁰ Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG...
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit No.):

- 1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
- 2. Địa chỉ (Address):
- 3. Số điện thoại (Telephone number):
- 4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):.....
-
-

....., ngày... tháng... năm ...
.....(dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²¹⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 03.²¹¹ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS/sổ TAD

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS HOẶC SỔ TAD**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS số:Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²¹¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận GMS¹

National Transport Facilitation Committee Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode
------------	---------------------------------	---------------	------------------

Type of Permit/Transport Operation²:

- Scheduled passenger transport
 Non-Scheduled passenger transport
 Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:

1.2. Address:

1.3. Contact Data³:2. Beneficiary of the Permit⁴:

2.1. Name:

2.2. Address:

2.3. Contact Data:

2.4. Road Transport Operator's National License Number:⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):

3.4. Other Restrictions:⁶4. Period of Validity: fromuntil.....⁷5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

	Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer	Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer
1		5
2		6
3		7
4		8

Place and date of Issuance: Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.




6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.

8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

¹ Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư III và Điều 23 của Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

Mẫu số 05. Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

<p style="text-align: center;">Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng</p> <p style="text-align: center;">Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement</p>  <p style="text-align: center;">Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Motor Vehicle Temporary Admission Document</p> <p style="text-align: center; opacity: 0.5; font-size: 2em;">SPECIMEN</p> <p style="text-align: center;">Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p>							
<p style="text-align: center;">Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng</p> <p style="text-align: center;">Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement</p>  <p style="text-align: center;">Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Motor Vehicle Temporary Admission Document</p> <p style="text-align: center;">Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Ministry of Transport</p>	<p>Số Sổ TAD No. _____</p> <p>Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS: GMS Road Transport Permit No. _____</p> <p style="text-align: center;">Số theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Tiểu vùng Mê Kông mở rộng Greater Mekong Subregion Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD)</p> <p>Phương tiện Type of Vehicle:</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle</p> <p style="text-align: center;">Số đăng ký xe/Năm sản xuất Vehicle Registration Number/Year of Production</p> <p>Số đăng ký Sơ-mi rơ moóc (dùng với phương tiện chính) Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 33%;">1.</td> <td style="width: 33%;">2.</td> <td style="width: 33%;">3.</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>5.</td> <td>6.</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">2</p>	1.	2.	3.	4.	5.	6.
1.	2.	3.					
4.	5.	6.					

<p style="text-align: center;">Đặc điểm phương tiện Particulars of the Vehicle</p> <p>1. Thông số kỹ thuật Technical Data</p> <p>Loại phương tiện Vehicle Category _____ Nhãn hiệu Brand _____ Model Model _____ Màu sắc Colour _____ Vị trí Tay lái Steering Wheel <input type="checkbox"/> Trái Left <input type="checkbox"/> Phải Right</p> <p>Số máy Engine No. _____ Số khung Chassis No. _____</p> <p>Kích thước Dimensions Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm</p> <p>Số chỗ ngồi Number of Seats _____ Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____ Khối lượng bản thân Net Weight _____</p> <p>Giá trị phương tiện (bảng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai) Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____</p> <p style="text-align: center;">3</p>	<p>2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có) * Additional Articles and Equipment (if Any)*</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tùng Spare Parts <input type="checkbox"/> Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies <input type="checkbox"/> Phụ kiện khác Others</p> <p>* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô. In reasonable quantities. Please tick.</p> <p>3. Dữ liệu bổ sung Additional Data</p> <p>Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện Name of Company/Vehicle Owner _____</p> <p>Số điện thoại di động Mobile Phone _____</p> <p>Địa chỉ: Address _____ Đường/phố Street _____</p> <p>Thành phố City _____ Quận/huyện County (District) _____ Tỉnh Province _____</p> <p style="text-align: center;">4</p>
<p>4. Có giá trị đến _____ Valid Until</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date</p> <p style="text-align: center;">Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép Signature and Seal of Issuing Authority</p> <hr/> <p style="text-align: center;">Gia hạn thời gian lưu hành Extension of Validity</p> <p>Có giá trị đến _____ Valid Until</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date</p> <p style="text-align: center;">Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn Signature and Seal of Issuing Authority</p> <p style="text-align: center;">6</p>	<p style="text-align: center;">Giới thiệu Introduction</p> <p>1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Số theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.;</p> <p>In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.</p> <p>2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong số này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.</p> <p>3. Trong trường hợp đánh mất số này, người có tên trên số phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan cấp phép của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.;</p> <p>In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.</p> <p style="text-align: center;">7</p>

<p>4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.</p> <p>5. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu. The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.</p> <p>6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tiếp theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác. Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of</p> <p style="text-align: center;">8</p>	<p>the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.</p> <p>7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/ông ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà. In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.</p> <p style="text-align: center;">Số này gồm có 60 trang, không kể trang bìa This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover</p> <p style="text-align: center;">9</p>				
<p style="text-align: center;">HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG RECORD</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 100px;"></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">10</p>	Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)			
Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)				

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 06.²¹² Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIETNAM

Kính gửi: Sở Xây dựng

To: Department of Construction of.....

....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
2. Địa chỉ: (*Address*)
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)
4. Đề nghị Sở Xây dựng gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Department of Construction of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle (s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number) ngày (the date of) (dd/mm/yyyy).
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy).
5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))
6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gianngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ... day(s), from ... (dd/mm/yyyy) until ... (dd/mm/yyyy)
7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of GMS Agreement*).
8. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):
 - Bản kết quả giấy (Paper result):

²¹² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

....., ngày ... tháng ... năm...

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền

(Driver, vehicle owner or authorized person)

*Chú ý (Note):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Phụ lục IX**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 03	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 06	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 07	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 08	Thông báo khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 09 ²¹³	(Được bãi bỏ)
Mẫu số 10	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 11	Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 12	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 13	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

²¹³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 01.²¹⁴ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN
THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: Ngày cấp:
5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghê)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:
- b) Hành khách theo hợp đồng: c) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam).

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển:km.

²¹⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Hành trình tuyển đường:

Đã đượcthông báo khai thác tuyển tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 03. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT
PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI COMMERCIAL
VEHICLE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit number)

Ngày cấp (Date of issuance):.....

Thời hạn (Period of validity): Từ (from) đến (until)
(dd/mm/yyyy)

Cơ quan cấp (Issuing Authority)
(Ký tên và đóng dấu)
(Signature, Stamp)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Xây dựng²¹⁶ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu
quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ
trợ khi cần thiết

The Ministry of Construction of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to
operate conveniently and to render the vehicle any
assistance as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Chi tiết về Đơn vị vận tải
Details of Transport Operator/Organization

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator
 Name)

Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):.....

2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....

Địa chỉ (Address):.....

Tel:Fax:.....

Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):

2. Thông số kỹ thuật (Specifications):

- Năm sản xuất:.....
 (Manufacture year)

- Nhãn hiệu (Brand/ Trademark):

- Loại xe (Model):.....

Xe tải (Truck) Xe khách (Bus) Khác (Other)

- Màu sơn (Colour):.....

²¹⁶ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Page 1

GHI CHÚ
NOTICES

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động
Border gate, Operation areas/routes

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....
.....

Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định

Cargo transport/passenger transport, non - scheduled/scheduled

.....
.....

Ghi chú khác (Others):.....

.....
.....

Page 3

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - IMMIGRATION

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Số máy (Engine number):.....

Số khung (Chassis No.):.....

Page 2

GIA HẠN
EXTENTION

Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày
(be extended one time and not exceed 10 days)

Gia hạn đến

Extended until(dd/mm/yyyy)

Ngày cấp

Issuing date

Cơ quan cấp (Issuing Authority)
Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)

Page 4

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - IMMIGRATION

Page 5				Next Pages			

<p>Hướng dẫn (Instruction)</p> <p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Ghi chú (notices)</p> <p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p>
---	--

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS
- BORDER TRANSPORT PERMIT
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI
NON COMMERCIAL VEHICLE

Mặt bìa trước/ Cover



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS
- BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT
PERMIT)

Số giấy phép (Permit number)

Ngày cấp (Issuing date):.....

Thời hạn (Period of validity): Từ (from) đến (until)
(dd/mm/yyyy)

Cơ quan cấp (Issuing Authority)
(Ký tên và đóng dấu)
(Signature, Stamp)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Xây dựng²¹⁷ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu
quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ
trợ khi cần thiết

The Ministry of Construction of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to
operate conveniently and to render the vehicle any
assistance as necessary

Mặt sau/Back side

Chi tiết về tổ chức/cá nhân
Details of Organization/Individual

1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)

.....

Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Telephone number):.....

Số Fax (Fax number):.....

2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....

Địa chỉ (Address):.....

Tel:Fax:.....

Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications):.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):.....

- Nhãn hiệu (Brand/ Trademark):.....

- Loại xe (Model):.....

Xe tải (Truck) Xe khách (Bus) Khác (Other)

- Màu sơn (Colour):.....

- Số máy (Engine number):.....

²¹⁷ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>Các ghi chú khác (other notices):</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến Extended until(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày cấp Issuing date</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p>
---	--

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
<p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.</p>	<p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.</p> <p>Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

No
VIET NAM CLV- CBT BOARD
(Company):..... (Competent Authorities)
(Registered Number):.....
(valid until): (Signature/Sealed)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 05.²¹⁸ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST
FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....
 To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):Số Fax (Fax number):
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ... ngày, từ ngày.... đến ngày ...
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ...until...
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).
9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):
 - Bản kết quả giấy (Paper result):

²¹⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

* **Chú ý (Note):**

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations)

Mẫu số 06.²¹⁹ Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG,
THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi:Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi:Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km.
Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe đăng ký, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.
7. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²¹⁹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từđếnphút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

.....
.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. Thông báo khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
SỞ XÂY DỰNG²²⁰ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/SXD-VT

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Tuyến:đivà ngược lại

Giữa: Bến xe.....và Bến xe.....

Kính gửi:.....

Sở Xây dựng²²¹ nhận được công văn số..... ngày ... thángnăm ... và hồ sơ kèm theo củavề việc đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Sở Xây dựng²²²thông báo như sau:

Cho phépđược khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe(tên tỉnh đến).

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác:(dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:(dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:**Thay thế cho xe**(dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

²²⁰ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²²¹ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²²² Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng²²³..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

²²³ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 09.²²⁴ (Được bãi bỏ)

²²⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 10.²²⁵ Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN, NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp:.....
5. Kể từ ngày /... /..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:..... (đối với ngừng khai thác tuyến).
7. Phương tiện đề nghị ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).
8. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²²⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 11. Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
SỞ XÂY DỰNG²²⁶...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT-VT

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN, NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: ... (Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Sở Xây dựng²²⁷..... thông báo Đơn vị kinh doanh vận tải được ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh/thành phố..... (nơi đi).....)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh/thành phố..... (nơi đến).....).

Số xe ngừng khai thác tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

²²⁶ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²²⁷ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 12.²²⁸ Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp:
5. Kể từ ngày..... /..... /..... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:
7. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²²⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 13.²²⁹ Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG ...

Số: .../SXĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Sở Xây dựng thông báo cho (đơn vị kinh doanh vận tải) tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²²⁹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục X**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải loại A
Mẫu số 04	Giấy phép vận tải loại B
Mẫu số 05	Giấy phép vận tải loại C
Mẫu số 06	Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 07	Giấy phép vận tải loại E
Mẫu số 08	Giấy phép vận tải loại F
Mẫu số 09	Giấy phép vận tải loại G
Mẫu số 10	Giấy đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 11	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 12	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 13	Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 14	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 15	Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 16	Giấy đề nghị ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Mẫu số 01.²³⁰ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với phương tiện thương mại)**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ Email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số..... Ngày cấp.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyên hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:..... Điện thoại:.....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²³⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 02.²³¹ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với xe công vụ)

Kính gửi: Sở Xây dựng

- Tên cơ quan, đơn vị:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
- Mục đích đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện:.....
- Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
A	B	1	2	3	4	5	6
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Số điện thoại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:**

- Cơ quan, đơn vị phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²³¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải loại A

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN	Năm	年	CHN
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		Số (编号): BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM			
一种行车许可证 用于两国边境间定期往返运输车辆，当年多次往返有效。			
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp 承运者名称和详细地址			
2. Biển số xe 汽车牌照号			
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限			
		Từ	Đến
		自	至
4. Tuyến vận tải 运输线路			
		Đến	
Bến xe đi		Bến xe đến	
始发站		抵达站	
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程和停靠站点			
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan cấp giấy 发证日期 口岸运输管理机构盖章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 05. Giấy phép vận tải loại C

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN	Năm: 年	CHN
Số 编号:		
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM C 种行车许可证 用于两国边境地区的货物运输车辆，当年1次往返有效。		

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ đến	自 至
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ đến	自 至
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点		
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 06. Giấy phép vận tải loại D

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm.

VN	Năm:	年	CHN
Số (编号)			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章		
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM VÀ HÀNG SIÊU TRỌNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM D 种行车许可证 用于两国间危险货物运输和超重大货物运输车辆 当年一次往返有效			
1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Dịa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码	Trọng tải 载重量		
Số khung 车架号码	Số máy 发动机号码		
Màu sơn 颜色	Nhãn hiệu 品牌		
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ 自	Đến 至	
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期	Từ 自	Đến 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại 口岸管理机构签章、签证日期		
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境	
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 07. Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, trắng chữ E in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN
Số (编号):		
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH (HÀNG HÓA ĐỊNH KỲ VÀ KHÁCH DU LỊCH) ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SẠC TRONG LÃNH THỔ HẢI NỘI COUNTRY 用于两国超出边境地区的定期旅客(含游客)运输车辆 当年多次往返有效		
1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称		
Địa chỉ 地址		
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人		
2. Phương tiện vận tải 运输车辆		
Biển số xe 车牌号码	Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码	Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色	Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		
Bến xe đi 始发站.....	Đến 抵达站.....	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点		
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期	Từ Đến 自 至.....	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 08. Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, trắng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		Số 编号: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI PHƯƠNG CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH VÀ XE CÔNG VỤ HẠNG TRÊN CÁC TUYẾN MAO SÁM TRONG LÃN THỔ ĐỊA HAI NƯỚC 用于两国间的不定期旅客(含游客)运输和公务车辆, 当年1次往返有效。			
1. Tên doanh nghiệp / 承运企业或公务用车		Cơ quan chủ quản xe công vụ	
Địa chỉ / 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải / 运输工具			
Biển số xe / 车牌号码		Số ghế / 座位数	
Số khung / 车架号码		Số máy / 发动机号码	
Màu sơn / 颜色		Nhãn hiệu / 品牌	
3. Tuyến vận chuyển / 运输线路		Từ Đến	
		自.....至.....	
4. Hành trình và trạm dừng / 行车路线及沿途停靠			
5. Mục đích của chuyến đi / 此行目的		<input type="checkbox"/> Thương mại <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> 贸易 <input type="checkbox"/> 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期		Từ Đến	
		自.....至.....	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu / 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh / 出境	Nhập cảnh / 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu / 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh / 入境	Xuất cảnh / 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 09. Giấy phép vận tải loại G

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, trắng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: _____ 年	CHN	
Số (编号): _____			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐẶC BIỆT CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HẠNG TẢI HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC TẾ VÀ TRONG LĨNH VỰC CÓ HẸM LƯU CHUYỂN ĐI VÀ VỀ TRONG Loại G 种行车许可证 于两国超出边境地区的货物运输车辆 当年1次往返有效			
1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码	Trong tải 载重量		
Số khung 车架号码	Số máy 发动机号码		
Màu sơn 颜色	Nhãn hiệu 品牌		
3. Tuyến vận chuyên 运输线路:		Đến 至	
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ 自 Đến 至	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 10.²³² Giấy đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIỚI THIỆU CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
4. Địa chỉ Email:
5. Giấy phép (vận chuyển hàng quá khổ, quá tải hoặc hàng nguy hiểm) số... cấp ngày...
6. Đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện Việt Nam thực hiện vận tải hàng hóa sang Trung Quốc như sau:

Xe số 1:

Biển kiểm soát: ...	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 2:

Biển kiểm soát: ...	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.

7. Đề nghị Sở Xây dựng..... giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tạo điều kiện cấp giấy phép cho phương tiện.

8. Người liên hệ nhận giấy giới thiệu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

²³² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày ... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

Mẫu số 11.²³³ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
TRANSPORT OPERATOR NAME

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT - D

Kính gửi: Sở Xây dựng.....
 To: Department of Construction of..... province

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):

4. Địa chỉ email (Email address):

5. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số...ngày ...

Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) dated (dd/mm/yyyy).

6. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số ... do (cơ quan của Trung Quốc)...cấp ngày ... Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) ... issued by (Chinese authority) ... dated... (dd/mm/yyyy).

7. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D cho các phương tiện sau đây (Request for issuing Transport Permit - D for following vehicles):

Xe số 1:

Vehicle No.1:

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 2:

Vehicle No.2:

²³³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 11 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 3:

Vehicle No.3:

*Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.
Specifying proposed routes, stops and parking places in both VietNam and China*

8. Người liên hệ (Contact person)

Họ và tên (Full name):

Điện thoại (Telephone number):

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):

- Bản kết quả giấy (Paper result):

..., ngày ...tháng...năm....

Place,(dd/mm/yyyy)

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Transport Operator Name)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

* **Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 12.²³⁴ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....
 To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):
4. Địa chỉ email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class.....):..... ngày (the date of).
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày.....
 Request for extension of vehicle operation period in VietNam inday(s), from Until.....
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Vietnam and China on cross-border transport*).
10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):
 - Bản kết quả giấy (Paper result):

..., ngày ...tháng...năm...
 Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
 (Applicant Name)
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 (Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.
 (A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

²³⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 12 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 13.²³⁵ Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/THAY THẾ/BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN
KHAi THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày.../.../.....
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:..... Bến đến:

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình chạy xe:

Điểm dừng đỗ trên đường:

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu nhập	xuất -
1							
2							
...							

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

²³⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 13 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 14.²³⁶ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong..... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tính lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

²³⁶ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 14 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lướt về từ Bên xe:..... đến Bên xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách

- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án khai thác tuyến (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 15.²³⁷ Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC/NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN/THAY THẾ/BỔ SUNG/
NGỪNG PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Giữa Bến xe..... và Bến xe

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải nhận được công văn số .../..... ngàycủa..... về việc đăng ký khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều Nghị định số 15 8/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....

Bến đến: Bến xe.....

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... Thay thế cho xe..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này..... phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

Nơi nhận:

-

-

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

***Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²³⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 15 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 16.²³⁸ Giấy đề nghị ngừng hoạt động tuyển/ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyển vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYỂN/NGỪNG HOẠT ĐỘNG CỦA
PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Thông báo khai thác tuyển vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc số: Ngày cấp:.....
5. Kể từ ngày..... /.... /....., (Đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyển/ngừng phương tiện khai thác tuyển vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam, Trung Quốc.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác: (đối với tuyến ngừng khai thác).
7. Số xe ngừng khai thác:..... (đối với phương tiện ngừng khai thác).
8. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²³⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 16 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục XI**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 02	Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào
Mẫu số 06	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 07	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 08	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 09	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 10	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 11 ²³⁹	<i>(Được bãi bỏ)</i>
Mẫu số 12	Thông báo bổ sung/thay thế/ ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 13	Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 14	Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 15	Văn bản Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

²³⁹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 01.²⁴⁰ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:
- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):
-
-

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

.....

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày ... tháng... năm...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁴⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 02. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO****I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, ²⁴¹).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.****a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.**

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: ²⁴², vận tải hàng hóa thông thường...).

²⁴¹ Cụm từ "vận tải hàng hóa bằng công-ten-no" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

²⁴² Cụm từ "vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ XÂY DỰNG²⁴³
 DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
VIETNAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):
-
2. Địa chỉ (Address):.....
-
3. Số điện thoại (Telephone number):.....
4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):
-

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...
Place,..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

²⁴³ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 04.²⁴⁴ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số..... ngày cấp
5. Đề nghị Sở Xây dựng cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải

sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Hành khách theo hợp đồng:

c) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam).

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Lào).

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Xây dựng thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày

²⁴⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

..., ngày... tháng ... năm...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05.²⁴⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN
PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày tháng năm

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

²⁴⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 06. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

VIET NAM - LAOS
VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT
PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

**Bộ Xây dựng²⁴⁶ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu
 quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ
 trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Construction of Viet Nam requests
 relevant agencies to allow the vehicles to operate
 conveniently and to render the vehicle any assistance
 as necessary**

Mặt sau bìa trước/Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle	Chi tiết về cơ quan/đơn vị/cá nhân được cấp giấy phép liên vận Details of Organization/ individual granted transport permit
1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)	Tên cơ quan/đơn vị/cá nhân (Organization/individual name):
2. Thông số kỹ thuật (Specifications)	Địa chỉ (Address):
- Năm sản xuất (Manufacture year):	Điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):.....
- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):	Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
- Loại xe (Model):	Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):
Xe tải (truck) <input type="checkbox"/> Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/> Xe khác (Others) <input type="checkbox"/>	Ngày phát hành (Issuing date):.....
- Màu sơn (Colour):	
- Số máy (Engine No.):	
- Số khung (Chassis No.):	

²⁴⁶ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

.....
 Trọng tải (Gross weight):

Trang 1

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From)..... (dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)..... (dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate).....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):
.....

Nơi đến (Destination):.....

Ngày cấp (Issued date):.....

Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

**HẢI QUAN
(CUSTOMS)**

**BIÊN PHÒNG
(BORDER
GUARDS)**

Ngày đi
Exit
date

Ngày về
Re-entry
date

Ngày đi
Exit
date

Ngày về
Re-entry
date

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng..... năm
....

This permit is extended until
ddd/mm/yyyy)

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....

Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, stamp)

Ghi chú (Notices):.....

Trang 4

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

**HẢI QUAN
(CUSTOMS)**

**BIÊN PHÒNG
(BORDER GUARDS)**

Ngày đi
Exit date

Ngày về
Re-entry
date

Ngày đi
Exit date

Ngày về
Re-entry
date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bì.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit gets lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Page size 11 cm x 15 cm.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....

PHÙ HIỆU
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
STICKER
VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....

Cơ quan cấp phép/Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ (from)

..... Đến (until).....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210mm, nền trắng chữ đỏ

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 07.²⁴⁷ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST
FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng
 To: Department of Construction of

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
 2. Địa chỉ (Address):
 3. Số điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):
 4. Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
 5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
 6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
 7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).
 9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):

²⁴⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 07 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả giấy (Paper result):

□

..., ngày ... tháng ... năm...
Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.
(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 08.²⁴⁸ Giấy đăng ký/bỏ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỎ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
VÀ NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào số: ngày cấp:...
5. Đăng ký/bỏ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):
 Cự ly vận chuyển:km
 Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....
6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu nhập	xuất -
1							
2							
...							

(Đối với phương tiện thay thế ghi rõ phương tiện biển số thay thế phương tiện biển số

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo: Đối với đăng ký khai thác tuyến, bỏ sung phương tiện).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký/bỏ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

²⁴⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 08 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 09.²⁴⁹ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lưu hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

²⁴⁹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 09 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

- a) Số lượng:
- b) Điều kiện của lái xe:
 - Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
 - Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
 - Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.
 -
- c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

6. Các dịch vụ khác

- a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:
- b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

- a) Giá vé:
 - Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
 - Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

- b) Hình thức bán vé
 - Bán vé tại quầy ở bến xe:
 - Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10.²⁵⁰ Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG ...

Số: ... /SXD-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựngnhận được công văn số..... ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ, Sở Xây dựngthông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đivà ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

-
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 11.²⁵¹ (Được bãi bỏ)

²⁵¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 12.²⁵² Thông báo bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG

Số: .../SXD-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Sở Xây dựngnhận được công văn số ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựngthông báo như sau:

Thông báo cho phép được bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số xe bổ sung khai thác tuyến: (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế: ... **Thay thế cho xe** ... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến: ... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung/thay thế: 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở xây dựng Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Yêu cầu tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 12 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 13.²⁵³ Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG

Số: .../SXĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: (Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựng thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP) (tỉnh đi)).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP) (tỉnh đến)).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 13 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 14.²⁵⁴ Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào số: ngày cấp:
5. Kể từ ngày//, (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:
7. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 14 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 15.²⁵⁵ Văn bản Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG ...

Số: .../SXĐ - ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựng thông báo cho (đơn vị kinh doanh vận tải) tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 15 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục XII**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 02	Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 06	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 07	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 08	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 09	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 10	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 11	Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 12 ²⁵⁶	(Được bãi bỏ)
Mẫu số 13	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến/ ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 14	Thông báo ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 15	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 16	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

²⁵⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 01.²⁵⁷ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:
 - Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):
 -
 -
 -
 - Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):
 -
 -
 -
6. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁵⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 02. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN
TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA****I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, ²⁵⁸).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.****a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.**

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: ²⁵⁹, vận tải hàng hóa thông thường...).

²⁵⁸ Cụm từ “Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ” theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²⁵⁹ Cụm từ “Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ” theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03.²⁶⁰ Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG ...
 DEPARTMENT OF CONSTRUCTION ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày... tháng... năm ...

..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁶⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 04.²⁶¹ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

- Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số ngày cấp
- Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:
- b) Hành khách theo hợp đồng: c) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Campuchia).

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày.....

²⁶¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 04 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05.²⁶² Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

....., ngày ... tháng ... năm ...


TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

* **Chú ý:**

- Tổ chức, cá nhân phải ký, đóng dấu (đối với tổ chức) vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁶² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 06. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p>  <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p>VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of VietNam</p> <p>Bộ Xây dựng²⁶³ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại để dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Construction of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
<p>Bộ Xây dựng²⁶⁴ Việt Nam Ministry of Construction of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p>VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số Giấy phép (Permit Number): Không cho người khác sử dụng và không được</p>	<p>Số đăng ký phương tiện (Registration number)</p> <p>Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign) VN</p> <p>Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator</p> <p>Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):</p> <p>.....</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>.....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</p>

²⁶³ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²⁶⁴ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

chuyển nhượng
(Non transferable and non negotiable)

Xe kinh doanh vận tải
Commercial Vehicle

Trang 1

Page 1

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No.):

Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị ngày
This Permit is valid days

Từ ngày (From) (dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này được gia hạn
This Permit is extended

Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			

- Cửa khẩu vào (entry point):...			
- Cửa khẩu ra (exit point):....			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (entry point):...			
- Cửa khẩu ra (exit point):....			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal

- Cửa khẩu vào (entry point):...			
- Cửa khẩu ra (exit point):....			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (entry point):...			
- Cửa khẩu ra (exit point): ...			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs Seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (entry point):...			
Cửa khẩu ra (exit point):....			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)			
- Cửa khẩu vào (entry point):...			
- Cửa khẩu ra (exit point):			
- Tuyến đường (Route):....			
Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border	Dấu Biên phòng Border

Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal	Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)					- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)		
- Cửa khẩu vào (entry point):...					- Cửa khẩu vào (entry point):...		
- Cửa khẩu ra (exit point):....					- Cửa khẩu ra (exit point):....		
- Tuyến đường (Route):....					- Tuyến đường (Route):....		
Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải
Green cover used for truck
Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt
Yellow cover used for bus

Mẫu số 07. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-
BORDER TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Xây dựng²⁶⁵ Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu
quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ
trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Construction of Viet Nam requests
relevant agencies to allow the vehicles to operate
conveniently and to render the vehicle any
assistance as necessary**

**Bộ Xây dựng Việt Nam²⁶⁶
Ministry of Construction of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS – BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)

.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):

.....

- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):

.....

- Loại xe (Model):

- Màu sơn (Colour):

.....

- Số máy (Engine No.):

.....

- Số khung (Chassis No.):

.....

- Trọng tải (Gross weight):

.....

²⁶⁵ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

²⁶⁶ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):.....

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for Transport Operator):

Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị ngày
 This book is valid days

Từ ngày (From) (dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

Nơi đến (Destination):

.....

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

<p>..... Ngày cấp (Date of issue):</p> <p style="text-align: center;">Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp)</p> <p style="text-align: center;">Trang 3 Page 3</p>	<table border="1" style="width: 100%; height: 100%;"> <tr> <td style="width: 25%;"></td> <td style="width: 25%;"></td> <td style="width: 25%;"></td> <td style="width: 25%;"></td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: center; vertical-align: bottom;">Trang tiếp theo</td> </tr> </table>					Trang tiếp theo			
Trang tiếp theo									

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Hướng dẫn (Instruction)

1. Số giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa

This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.

This permit shall be used for the specified vehicle only.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm

Page size: 105 mm x 150 mm

Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại

Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:

**PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
STICKER
VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

.....

Cơ quan cấp/Issuing authority
(Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)

Số đăng ký/Registration Number:

.....

Thời hạn/Period of Validity: từ/from đến/until

Cửa khẩu vào/Entry point:

Cửa khẩu ra/Exit point:

Tuyến đường/Route:

.....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 08.²⁶⁷ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng
 To: Department of Construction of

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):.....
4. Địa chỉ email (Email address):
5. Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), fromuntil
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam 's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).
10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

²⁶⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 08 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result):
- Bản kết quả giấy (Paper result):

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 09.²⁶⁸ Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: ngày cấp:
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình chạy xe:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký hữu xe	sở	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1		2	3	4	5
1							
2							
...							

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

²⁶⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ
- Bản kết quả giấy

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10.²⁶⁹ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA****1. Đặc điểm tuyến**

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúcgiờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.

d) Tốc độ lưu hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

²⁶⁹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

b) Lướt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
...					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang băng tên

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 11.²⁷⁰ Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG

Số:/SXD-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC
TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Tuyến: đi và ngược lại

Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựng nhận được công văn số ngày ... tháng ... năm... và hồ sơ kèm theo của... về việc đăng ký khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ, Sở Xây dựng thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác: (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến).

Số xe bổ sung khai thác tuyến: (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế: **Thay thế cho xe** (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁷⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 12.²⁷¹ (Được bãi bỏ)

²⁷¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 13.²⁷² Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/số Fax:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia số: ngày cấp:.....
5. Kể từ ngày/...../..... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác (Đối với tuyến ngừng khai thác):
7. Danh sách phương tiện ngừng khai thác tuyến:
8. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁷² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 13 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 14.²⁷³ Thông báo ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SXĐ-....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: (Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Sở Xây dựng thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP) (tỉnh đi)).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP) (tỉnh đến)).

Danh sách phương tiện ngừng khai thác tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁷³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 14 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 15.²⁷⁴ Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/Số Fax:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia số: ngày cấp:.....
5. Kể từ ngày/..... /....., (đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:
7. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ
 - Bản kết quả giấy

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁷⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 15 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 16.²⁷⁵ Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG ...

Số: .../SXĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Sở Xây dựng thông báo cho (đơn vị kinh doanh vận tải) tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁷⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 16 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Phụ lục XIII**PHÙ HIỆU XE Ô TÔ KINH DOANH VẬN TẢI, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, CÁC CỤM TỪ NIÊM YẾT TRÊN XE***(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định
Mẫu số 02	Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyển hành khách
Mẫu số 03	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
Mẫu số 04	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi
Mẫu số 05	Mẫu cụm từ “XE TAXI” niêm yết (dán cố định) trên xe taxi
Mẫu số 06	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
Mẫu số 07	Mẫu cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
Mẫu số 08	Mẫu cụm từ “TAXI TẢI” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải
Mẫu số 09	Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải
Mẫu số 10	Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
Mẫu số 11	Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
Mẫu số 12	Mẫu cụm từ “XE NỘI BỘ” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô vận tải người nội bộ hoặc vận tải hàng hóa nội bộ

Mẫu số 01. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 02. Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyển hành khách**PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 03. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 04. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi**PHÙ HIỆU “XE TAXI”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phông chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

276

²⁷⁶ Cụm từ “**Ghi chú:** Sở Xây dựng đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu số 05. Mẫu cụm từ “XE TAXI” niêm yết (dán cố định) trên xe taxi**Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE TAXI”**

1. Chữ “XE TAXI”.
2. Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns.

Mẫu số 06. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 07. Mẫu cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE HỢP ĐỒNG”



1. Chữ “XE HỢP ĐỒNG”.
2. Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns

Mẫu số 08. Mẫu cụm từ “TAXI TẢI” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải

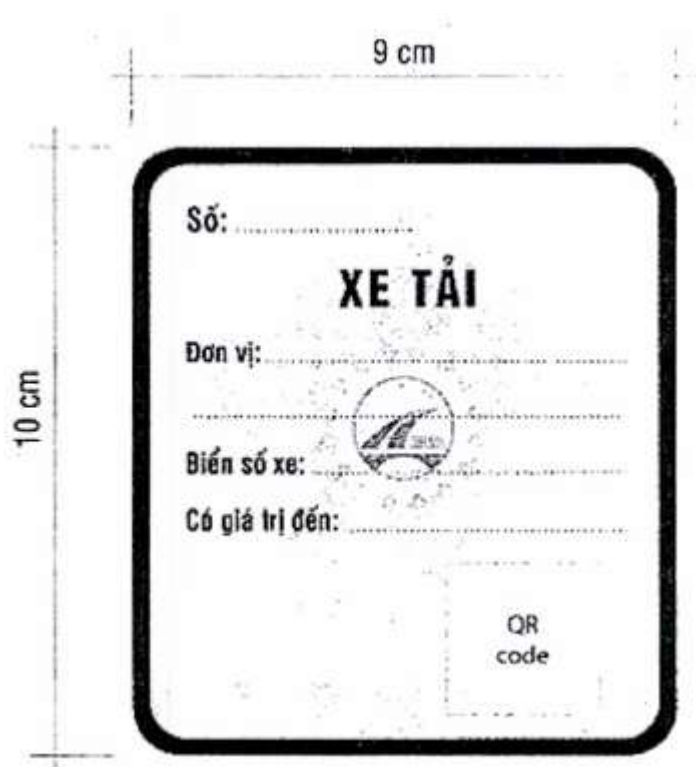
Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “TAXI TẢI”



1. Chữ “TAXI TẢI”.
2. Mã màu của chữ “TAXI TẢI”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns

Mẫu số 09. Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu số 10. Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
PHÙ HIỆU “XE CHỖ KHÁCH”**

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỖ KHÁCH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỖ KHÁCH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỖ KHÁCH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỖ KHÁCH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu số 11. Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
PHÙ HIỆU “XE CHỖ HÀNG”**

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỖ HÀNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỖ HÀNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỖ HÀNG”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỖ HÀNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 12. Mẫu cụm từ “XE NỘI BỘ” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô vận tải người nội bộ hoặc vận tải hàng hóa nội bộ

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE NỘI BỘ”



1. Chữ “XE NỘI BỘ”.
2. Mã màu của chữ “XE NỘI BỘ”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns